

Bản án số: 127/2026/HSST

Ngày 28/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Khải và bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2026/TLST-HS ngày 10/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2026/QĐXXST-HS ngày 13/5/2026 đối với các bị cáo:

1. **Trần Tuấn A**, sinh ngày 20/10/1988;

Nơi cư trú: **Thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ**;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông **Trần Văn T** (đã chết) và bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1965.

Có vợ là **Lương Thị L**, sinh năm 1990 (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 25/2008/HS-ST ngày 27/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích;

- Ngày 07/12/2011 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục;

- Tại Bản án số 05/2016/HSST ngày 29/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã được xóa án tích;

- Tại Bản án số 89/2021/HS-ST ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích.

- Ngày 20/5/2021, Công an huyện S ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 169/QĐ-XPVPHC đối với Trần Tuấn A về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, mức phạt 750.000 đồng. Đến nay chưa nộp phạt nhưng đã hết thời hiệu thi hành.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/02/2026 tại Phân trại tạm giam T – Trại tạm giam số B - Công an tỉnh P đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Đặng Thái B, sinh ngày 03/10/1984;

Nơi cư trú: Thôn R, xã T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đặng Văn H1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1962.

Có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1985 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2008. Gia đình có 03 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/02/2016 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 06/01/2019.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/12/2025 tại Trại tạm giam số B - Công an tỉnh P đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

- Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ, (có mặt tại phiên tòa).

- Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Văn L2 - Phó Trưởng phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã T, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Do nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Trần Tuấn A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuấn A đã rủ Đặng Thái B cùng tham gia, B đồng ý.

Vụ thứ nhất:

Khoảng 11 giờ ngày 21/12/2025, tại khu vực đám cưới gia đình ông Nguyễn Ngọc S ở thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ, Trần Tuấn A phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 88D1-534.49 của anh Đỗ Văn Đ dựng sơ hở nên nảy sinh ý định trộm cắp.

Tuấn A dùng tay kéo yên xe tạo khe hở, lấy trong cốp xe 01 ví giả da, bên trong có số tiền 3.700.000 đồng. Sau khi lấy tiền, **Tuấn A** đặt lại ví vào cốp xe rồi đi về và sử dụng hết số tiền chiếm đoạt được vào việc tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ dữ liệu camera an ninh tại hiện trường. Tại Kết luận giám định số 1287/KLGD-KTHS ngày 10/3/2026 của **Phòng K Công an tỉnh P** xác định video không bị cắt ghép, hình ảnh thể hiện **Trần Tuấn A** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Vụ thứ hai:

Khoảng tối ngày 24/12/2025, **Trần Tuấn A** gọi điện rủ **Đặng Thái B** đi trộm cắp dây cáp điện bán lấy tiền tiêu xài, **B** đồng ý.

Khoảng 02 giờ ngày 25/12/2025, **B** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88H4-9707 chở **Tuấn A** đi tìm tài sản để trộm cắp. **B** mang theo 01 kéo cắt tôn bằng kim loại màu đen, dài khoảng 40cm, tay cầm quấn băng dính màu đen để cách điện.

Khi đến khu vực ngã ba thuộc **thôn L, xã T, tỉnh Phú Thọ**, các bị cáo phát hiện hệ thống dây cáp điện chiếu sáng không có người trông coi nên thống nhất thực hiện hành vi trộm cắp.

Tuấn A trèo lên cột điện cắt dây cáp; **B** đứng canh giới. Sau khoảng 10 phút, các bị cáo cắt được 05 đoạn dây cáp điện có tổng chiều dài 44,06m thì bị **Công an xã T** cùng lực lượng bảo vệ an ninh trật tự phát hiện. **Tuấn A** bỏ chạy, **B** bị bắt quả tang cùng tang vật.

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐDGTS ngày 26/12/2025 xác định 44,06m dây cáp điện có giá trị 11.161.867 đồng.

Tổng giá trị tài sản **Trần Tuấn A** chiếm đoạt trong hai lần phạm tội là 14.861.867 đồng; tổng giá trị tài sản **Đặng Thái B** cùng đồng phạm chiếm đoạt là 11.161.867 đồng.

Tại Cáo trạng số 144/CT-VKSKV9 ngày 08/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ truy tố các bị cáo **Trần Tuấn A** và **Đặng Thái B** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo **Trần Tuấn A** và **Đặng Thái B** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

- Đối với bị cáo **Trần Tuấn A**:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Tuấn A** từ 21 tháng đến 24 tháng tù.

- Đối với bị cáo **Đặng Thái B**:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Thái B** từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo **Trần Tuấn A** bồi thường cho anh **Đỗ Văn Đ** số tiền 3.700.000 đồng;

- Buộc các bị cáo **Trần Tuấn A** và **Đặng Thái B** liên đới bồi thường cho **Ủy ban nhân dân xã T** số tiền 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 88H4-9707, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên **Đỗ Văn T1** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 là công cụ, phương tiện phạm tội;

- Đối với 05 đoạn dây cáp điện, Cơ quan điều tra đã trả lại cho **Ủy ban nhân dân xã T** nên không xem xét;

- Đối với 01 kéo cắt tôn, không thu hồi được nên không đặt ra xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại nên các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 11 giờ ngày 21/12/2025 tại **thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ**, bị cáo **Trần Tuấn A** đã lén lút chiếm đoạt số tiền 3.700.000 đồng của anh **Đỗ Văn Đ**.

Khoảng 02 giờ ngày 25/12/2025 tại **thôn L, xã T, tỉnh Phú Thọ**, các bị cáo **Trần Tuấn A** và **Đặng Thái B** đã lén lút cắt trộm 05 đoạn dây cáp điện chiếu sáng trị giá 11.161.867 đồng của **Ủy ban nhân dân xã T** thì bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án, **Trần Tuấn A** là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện cả hai vụ trộm cắp nên giữ vai trò chính; **Đặng Thái B** là đồng phạm giúp sức tích cực trong vụ trộm cắp dây cáp điện.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương nên cần xử lý nghiêm.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo **Trần Tuấn A**:

Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo **Đặng Thái B**:

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **Trần Tuấn A** phải bồi thường cho anh **Đỗ Văn Đ** số tiền 3.700.000 đồng.

Đối với thiệt hại của hệ thống điện chiếu sáng do **Ủy ban nhân dân xã T** quản lý, mặc dù tài sản đã được thu hồi nhưng bị hư hỏng, phát sinh chi phí sửa chữa nên cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; mỗi bị cáo chịu 5.000.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 88H4-9707, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên **Đỗ Văn T1** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 05 đoạn dây cáp điện, Cơ quan điều tra đã trả lại cho **Ủy ban nhân dân xã T** nên không xem xét.

Đối với 01 kéo cắt tôn, không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Trần Tuấn A**;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Đặng Thái B**;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố:

Các bị cáo **Trần Tuấn A** và **Đặng Thái B** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Trần Tuấn A** 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2026.
- Xử phạt bị cáo **Đặng Thái B** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo **Trần Tuấn A** bồi thường cho anh **Đỗ Văn Đ** số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).
- Buộc các bị cáo **Trần Tuấn A** và **Đặng Thái B** liên đới bồi thường cho **UBND xã T** số tiền 10.000.000 đồng; mỗi bị cáo phải chịu 5.000.000 đồng.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 88H4-9707;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên **Đỗ Văn T1**;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3.

Vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2026 giữa **Công an tỉnh P** và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Phú Thọ.

5. Về án phí:

- Bị cáo **Trần Tuấn A** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và **435.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Bị cáo **Đặng Thái B** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại (**Đ**) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/5/2026); **Ủy ban nhân dân xã T vắng mặt có quyền kháng cáo** trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 9 – Phú Thọ;
- Thi hành án hình sự;
- THA DS tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo ;
- Lưu hồ sơ, án văn./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa